TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUẢNG NINH** **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 01-7-2021
V/v tranh chấp "Ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG NINH, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhàn,

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Liên,

2. Bà Hoàng Thị Tường Vy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Mỹ Trang, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Triều, Kiểm sát viên.

Trong ngày 01 tháng 7 năm 2021, tại Phòng xét xử Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 127/2020/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2020 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2021/QĐXX-ST ngày 15 tháng 6 năm 2021 giữa, các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Võ Thị N, sinh năm 1986;

Địa chỉ: Thôn S, xã N, huyện B, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

2. Bị đơn: Anh Trần La V, sinh năm 1987;

Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.

3. Người đại diện theo pháp luật của anh Trần La V: Bà Đinh Thị K;

Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn đề ngày 04 tháng 12 năm 2020, được bổ sung tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết, xét xử vụ án nguyên đơn chị Võ Thị N trình bày: Chị và anh Trần La V tìm hiểu và kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện B, tỉnh Quảng Bình vào ngày 12 tháng 3 năm 2009. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống cùng mẹ anh V tại

thôn T, xã H, huyện Q được một thời gian thì Chị vào huyện H, tỉnh Q làm ăn, còn anh V đau ốm ở nhà chăm sóc con, thỉnh thoảng Chị về thăm chồng con. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 01 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp tính tình, thường xuyên cải vã, xung đột. Năm 2014, Chị sang Trung Quốc làm ăn, hai người sống ly thân từ đó đến nay, không còn quan tâm chăm sóc gì cho nhau. Hiện nay, Chị xét thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Tòa án giải quyết cho Chị được ly hôn anh V.

Anh Trần La V bị bệnh tâm thần từ năm 2010 đến nay, có lúc không được tỉnh táo nhưng do điều kiện kinh tế của Chị khó khăn, Chị và gia đình anh V không có khả năng đưa anh V đi giám định để làm thủ tục tuyên bố mất năng lực hành vi dân sự hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự, nên đề nghị Tòa án tạo điều kiện giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Vợ chồng có 01 đứa con chung tên Trần Thị Hồng L, sinh ngày 20-8-2009, hiện đang sống cùng anh V và bà nội. Nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn thì nguyện vọng của Chị là xin được nuôi con và không yêu cầu anh V cấp dưỡng tiền nuôi con chung hàng tháng. Vì hiện nay, anh V đau ốm thường xuyên, không có khả năng lao động, không có thu nhập để nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng Chị không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 23 tháng 02 năm 2021, Bị đơn anh Trần La V trình bày: Anh và chị Võ Thị N tìm hiểu và lấy nhau tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện B, tỉnh Quảng Bình vào ngày 12 tháng 3 năm 2009. Sau khi kết hôn, vợ chồng về sống chung cùng bố mẹ Anh tại thôn T, xã H, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Lúc đó, hai vợ chồng Anh có cơ sở làm ăn tại huyện H, tỉnh Q nên vào đó làm ăn; vợ chồng sống hạnh phúc được 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp tính tình, thường xuyên gây gổ, cải vã nhau. Chị N bỏ đi sống nơi khác từ năm 2014 đến nay, không ai quan tâm gì đến nhau. Hiện nay, Anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị N xin ly hôn Anh cũng nhất trí.

Về con chung: Vợ chồng có 01 đứa con chung tên Trần Thị Hồng L, sinh ngày 20-8-2009, hiện đang sống cùng Anh. Nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn thì Anh có nguyện vọng xin được nuôi con và không yêu cầu chị N cấp dưỡng tiền nuôi con chung hàng tháng.

Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người đại diện theo pháp luật cho anh Trần La V bà Đinh Thị K (mẹ đẽ anh V) trình bày: Bà có con trai Trần La V lấy chị Võ Thị N, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện B vào năm 2009. Sau khi kết hôn, vợ chồng V - N về sống chung cùng với gia đình Bà tại thôn T, xã H được một thời gian thì vào H, tỉnh Q làm ăn. Sau một thời gian, thì Trần La V phát bệnh tâm thần phân liệt hoang tưởng, N đã bỏ chồng con đi làm ăn từ năm 2015 đến nay. Trong thời gian đó, Bà phải một mình chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai cha con, cháu Trần Thị Hồng L bị

bệnh hen suyễn mãn tính từ nhỏ. Đầu năm 2020, chị Võ Thị N trở về và đưa đơn ly hôn, Trần La V và cháu Trần Thị Hồng L rất bất ngờ và hoảng loạn không đồng ý ly hôn nhưng chị N vẫn nộp đơn tại Tòa án. Con Bà - Trần La V đau bệnh tâm thần từ năm 2010 đến nay, có sổ điều trị và lấy thuốc tại Bệnh viện. Do điều kiện kinh tế gia đình khó khăn, chồng Bà đã chết, bản thân đau ốm già cả không có khả năng để đưa con đi giám định tại cơ quan có thẩm quyền, Trần La V cũng không chịu đi giám định.

Hiện nay, Võ Thị N làm đơn xin ly hôn Trần La V đề nghị Tòa án tạo điều kiện giải quyết cho N ly hôn theo quy định của pháp luật, còn việc yêu cầu tuyên bố mất năng lực hành vi dân sự hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự thì gia đình Bà không yêu cầu giải quyết.

Vợ chồng Trần La V và Võ Thị N có 01 đứa con chung tên Trần Thị Hồng L, sinh ngày 20-8-2009, hiện đang sống cùng bố và Bà từ khi 01 tuổi đến nay, chị N không có trách nhiệm đối với con cái. Nếu Tòa án giải quyết cho vợ chồng V - N ly hôn, Bà có đề nghị để cháu L cho V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và yêu cầu chị Võ Thị N có trách nhiệm cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

- Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Theo Bà được biết, vợ chồng V - N không có tài sản chung gì.

Ý kiến của Kiểm sát viên: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký thực hiện từ thụ lý vụ án đến khi xét xử đúng quy định tại các điều 39, 48, 49, 68, 93, 95, 96, 97, 195, 196, 203, 204, 208, 209, 220 của Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 53, 54 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Đương sự chấp hành pháp luật đúng quy định tại các điều 68, 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng thực sự trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Võ Thị N, xử cho chị N được ly hôn anh Trần La V. Về con chung: Áp dụng các điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình, xử giao con Trần Thị Hồng L, sinh ngày 20-8-2009 cho chị N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, không buộc anh V phải cấp dưỡng tiền nuôi con. Về tài sản chung: Chị N, anh V và bà K thống nhất không có tài sản chung nên Tòa án không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả hỏi, tranh tụng công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thẩm quyền giải quyết và quan hệ tranh chấp: Chị Võ Thị N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Trần La V, có địa chỉ thôn T, xã H, huyện Q và giải quyết việc nuôi con chung của vợ chồng. Vì vậy, xác định quan hệ tranh chấp giữa các bên là "Tranh chấp Ly hôn, nuôi con chung" theo quy định

tại điểm a khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh có thẩm quyền giải quyết tranh chấp.

[2] Về tố tụng: Bị đơn anh Trần La V bị bệnh tâm thần phân liệt, được hưởng chế độ bảo trợ xã hội; bà Đinh Thị K không có khả năng đưa anh Trần La V đi giám định tại cơ quan chuyên môn; không yêu cầu tuyên bố anh V mất năng lực hành vi dân sự hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự. Do đó, căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật dân sự, Tòa án cử bà Đinh Thị K tham gia tố tụng với tư cách người đại diện theo pháp luật cho anh Trần La V.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Võ Thị N và anh Trần La V lấy nhau trên cơ sở tự nguyện có đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền, như vậy hôn nhân của Anh, Chị là hợp pháp. Tuy nhiên, trong cuộc sống vợ chồng đã nảy sinh nhiều bất đồng, mâu thuẫn, do hai người không hợp tính tình, thường xuyên gây gỗ, cải vã nhau. Hai bên đã sống ly thân từ cuối năm 2014 đến nay, chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn. Bà K khẳng định, anh V bị bệnh sau khi kết hôn với chị Na, hiện nay chị N xin ly hôn đề nghị Tòa án tạo điều kiện cho chị N ly hôn, giải thoát cho chị N để chị N tìm hạnh phúc riêng của mình. Hội đồng xét xử thấy rằng, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 56 luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N.

[4] Về quan hệ con chung: Chị Võ Thị N và anh Trần La V có 01 con chung tên Trần Thị Hồng L, sinh ngày 20-8-2009, hiện đang sống cùng bố và bà nội. Chị N, anh V đều có nguyện vọng xin được nuôi con, thể hiện trách nhiệm của bố mẹ đối với con cái, bà K đề nghị giao cháu L cho anh V nuôi dưỡng vì cháu L sống với bố và bà nội từ nhỏ; Hội đồng xét xử xét thấy, hiện nay anh V bị bệnh tâm thần phân liệt, không có khả năng lao động, thu nhập để nuôi sống bản thân, bà K già yếu, chỉ giúp đỡ cho anh V về mặt tinh thần, mặc dù cháu L có nguyện vọng được ở với bố; nhưng để đảm bảo cho việc chăm sóc, nuôi dưỡng cháu L trưởng thành, cần giao cháu L cho chị N chăm sóc nuôi dưỡng, không buộc anh V phải cấp dưỡng nuôi con là có căn cứ, phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[5] Về chia tài sản chung: Chị Võ Thị N, anh Trần La V và bà Đinh Thị K thống nhất vợ chồng chị N, anh V không có tài sản chung, không có nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[6] Về án phí: Chị Võ Thị N phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

1. Về quan hệ hôn nhân: Áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Xử cho ly hôn giữa chị Võ Thị N và anh Trần La V.

2. Về nuôi con chung: Áp dụng các điều 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Xử giao cháu Trần Thị Hồng L, sinh ngày 20-8-2009 cho chị Võ Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng kể từ tháng 8/2021 đến khi con trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh Trần La V không cấp dưỡng tiền nuôi con. Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về chia tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Võ Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn. Số tiền án phí ly hôn chị N phải nộp được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án huyện Quảng Ninh theo biên lai số AA/2017/0007133, ngày 28 tháng 12 năm 2020.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Võ Thị N, bà Đinh Thị K có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Quảng Ninh;
- VKSND huyện Quảng Ninh;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- UBND xã N, huyện B;
- Lưu VP, Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Nguyễn Thị Nhàn